



LILAMA69-3,JSC

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA69-3**

Địa chỉ: 515 - Điện Biên Phủ - Thành phố Hải Dương
Điện thoại: +84.220.3852584 * Fax: +84.2203.853958
Email: lilama69-3@lilama69-3.com.vn, Website: www.lilama69-3.com.vn

**BÁO CÁO CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
NĂM 2018**

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CP LILAMA 69-3**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần LILAMA 69-3;
- Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán số 281/BCKT/TC/NV12 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam về kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần LILAMA 69-3;
- Căn cứ Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2018.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần LILAMA 69-3 kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo công khai các chỉ tiêu tài chính như sau:

A. BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư 01/01/2018	Số dư 31/12/2018
I	Tài sản ngắn hạn	623.886.166.698	701.661.559.838
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	21.759.653.226	18.862.690.441
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.383.213.973	5.440.737.160
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	215.430.995.580	259.483.979.533
4	Hàng tồn kho	376.810.129.658	417.018.059.324
5	Tài sản ngắn hạn khác	4.502.174.261	856.093.380
II	Tài sản dài hạn	198.846.505.122	191.714.967.331
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.267.673.000	1.124.373.000
2	Tài sản cố định	184.913.835.019	172.563.172.924
	- Tài sản cố định hữu hình	151.810.633.739	140.160.503.760
	- Tài sản cố định vô hình	734.663.198	694.417.394
	- Tài sản cố định thuê tài chính	32.368.538.082	31.708.251.770

3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	2.003.903.736	3.658.754.432
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	10.661.093.367	14.368.666.975
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)	822.732.671.820	893.376.527.169
III	Nợ phải trả	716.037.739.744	786.425.969.005
1	Nợ ngắn hạn	617.892.869.968	699.712.424.689
2	Nợ dài hạn	98.144.869.776	86.713.544.316
VI	Vốn chủ sở hữu	106.694.932.076	106.950.558.164
1	Vốn chủ sở hữu	105.695.690.390	106.047.036.530
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	77.696.910.000	82.793.610.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	4.675.400.000	19.790.000
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.830.204.728	4.975.341.184
	- Quỹ Đầu tư phát triển	16.506.405.768	17.014.383.366
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.986.769.894	1.243.911.980
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	999.241.686	903.521.634
	- Nguồn kinh phí	123.100.000	123.100.000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	876.141.686	780.421.634
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(III+IV)	822.732.671.820	893.376.527.169

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	700.959.929.660	789.485.326.880
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	700.959.929.660	789.485.326.880
4	Giá vốn hàng bán	650.942.233.073	733.491.815.247
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.017.696.587	55.993.511.633
6	Doanh thu hoạt động tài chính	292.515.171	594.594.197
7	Chi phí tài chính	24.340.208.356	30.008.130.219
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.521.246.045	25.709.287.034

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.448.757.357	870.688.577
11	Thu nhập khác	702.785.587	5.490.842
12	Chi phí khác	335.723.662	630.133.841
13	Lợi nhuận khác	367.061.925	(624.642.999)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.815.819.282	246.045.578
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	364.454.717	45.516.526
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.451.364.565	200.529.052
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	149	20

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%	
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		21,5 %
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		78,5 %
2	Cơ cấu nguồn vốn	%	
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		88 %
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		12 %
3	Khả năng thanh toán	Lần	
	- Khả năng thanh ngắn hạn		1,003
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,40
4	Tỷ suất lợi nhuận	%	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,022 %
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,03%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,19 %

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV.HĐQT/TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Cao Viết Cường